QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN

SẢN PHẨM BẢO HIỂM
VẬT CHẤT XE Ô TÔ

(Quy tắc điều khoản sản phẩm được ban hành theo Quyết định số 124/2019/QĐ-TGĐ ngày 31/12/2019 và được sửa đổi theo Điều khoản bảo hiểm bổ sung được ban hành theo Quyết định số 17/2022/QĐ-TGĐ ngày 28/03/2022 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES)



MỤC LỤC

Điều 1	Các định nghĩa	**2**
Điều 2	Thời hạn bảo hiểm, phí bảo hiểm và hiệu lực bảo hiểm khi chuyển quyền sở hữu	**3**
Điều 3	Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm	**3**
Điều 4	Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Bảo Hiểm	**5**
Điều 5	Quyền và nghĩa vụ của Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm	**6**
Điều 6	Thay đổi yếu tố làm cơ sở tính phí bảo hiểm	**7**
Điều 7	Giám định tổn thất	**8**
Điều 8	Hồ sơ bồi thường	**9**
Điều 9	Bảo hiểm trùng	**10**
Điều 10	Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện	**11**
Điều 11	Phạm vi bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm	**11**
Điều 12	Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	**12**
Điều 13	Nguyên tắc xác định số tiền bảo hiểm	**15**
Điều 14	Giải quyết quyền lợi bảo hiểm	**16**
Điều 15	Mức khấu trừ	**18**
Điều 16	Giảm trừ bồi thường	**19**
Điều 17	Điều khoản bổ sung	**20**
	Chi tiết Điều khoản bổ sung	**21**

Điều 1: Các định nghĩa

Trong Quy tắc điều khoản bảo hiểm này (sau đây gọi tắt là Quy tắc điều khoản), các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1.1. **"Xe Ô Tô"** là loại phương tiện giao thông đường bộ chạy bằng động cơ có từ bốn bánh trở lên (trừ các loại xe chạy trên đường ray) và thường được dùng để chở người và/hoặc hàng hóa, kéo các rơ móoc, sơ mi rơ móoc hoặc thực hiện chức năng, công dụng đặc biệt, bao gồm xe ô tô con, xe bán tải, xe tải, xe khách, xe buýt, xe ô tô chuyên dùng và một số loại xe khác được quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có), không bao gồm xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh hoặc các loại xe tương tự.

1.2. **"Chủ Xe"** là cá nhân, tổ chức sở hữu Xe Ô Tô hoặc cá nhân, tổ chức được chủ sở hữu Xe Ô Tô giao chiếm hữu, sử dụng, thuê Xe Ô Tô (theo thỏa thuận thuê Xe Ô Tô) hoặc cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu thực tế (trường hợp đã mua xe, có hợp đồng mua bán Xe Ô Tô hợp pháp) nhưng chưa làm thủ tục đăng ký, chưa chuyển đổi tên chủ sở hữu xe theo quy định.

1.3. **"Bên Mua Bảo Hiểm"** là tổ chức, cá nhân giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm với Công Ty Bảo Hiểm và đóng Phí Bảo Hiểm. Bên Mua Bảo Hiểm có thể là Người Được Bảo Hiểm.

1.4. **"Người Được Bảo Hiểm"** là Chủ Xe có Xe Ô Tô được bảo hiểm theo Hợp Đồng Bảo Hiểm vật chất Xe Ô Tô.

1.5. **"Lái Xe"** là người điều khiển Xe Được Bảo Hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất.

1.6. **"Xe Được Bảo Hiểm"** là (các) Xe Ô Tô được nêu trong Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm và/hoặc Hợp Đồng Bảo Hiểm.

1.7. **"Phí Bảo Hiểm"** là khoản tiền mà Bên Mua Bảo Hiểm phải thanh toán cho Công Ty Bảo Hiểm tại thời điểm cấp Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm hoặc theo thời hạn và phương thức do các bên thỏa thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

1.8. **"Mức khấu trừ"** là số tiền mà Người Được Bảo Hiểm phải tự chi trả đối với mỗi vụ tổn thất có thể được bồi thường theo Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm và/hoặc Hợp Đồng Bảo Hiểm. Mức khấu trừ được quy định trên Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm và/hoặc Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ được trừ vào số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

1.9. **"Giá Thị Trường"** là giá mua bán trung bình của xe tương tự cùng năm sản xuất, cùng hãng sản xuất, cùng mẫu xe (model), cùng mục đích sử dụng được chào bán trên thị trường ngay tại thời điểm xác định giá thị trường của Xe Được Bảo Hiểm.

1.10. **"Số Tiền Bảo Hiểm"** là số tiền mà Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu, được ghi trong Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm và không lớn hơn Giá Thị Trường của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

1.11. **"Hợp Đồng Bảo Hiểm"** Là sự thoả thuận giữa Bên Mua Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm, theo đó Bên Mua Bảo Hiểm phải đóng Phí Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm phải trả tiền bảo hiểm cho Người Thụ Hưởng hoặc bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Bên Mua Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm có thể thoả thuận sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng Bảo Hiểm. Bằng chứng giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm là Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm và các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật.

1.12. **"Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm"** là bản ghi tóm tắt các thông tin của Hợp Đồng Bảo Hiểm, thể hiện việc Công Ty Bảo Hiểm chấp nhận bảo hiểm cho Người Được Bảo Hiểm theo các quy định của Quy tắc điều khoản này. Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm được lập dưới các hình thức khác nhau phù hợp với quy định pháp luật.

1.13. **"Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung"** Là các điều khoản điều chỉnh phạm vi bảo hiểm được quy định trong Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm do Công ty Bảo Hiểm cấp và/hoặc quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

1.14. **"Công Ty Bảo Hiểm"** là Công ty cổ phần bảo hiểm OPES, được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 79 GP/KDBH ngày 20/03/2018 của Bộ Tài chính.

1.15. **"Thời Gian Sử Dụng Xe Ô Tô"** là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm. Đối với Xe Ô Tô nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Điều 2: Thời hạn bảo hiểm, Phí bảo hiểm và Hiệu lực bảo hiểm khi chuyển quyền sở hữu

2.1 **Thời hạn bảo hiểm:** Thời điểm bắt đầu và kết thúc của thời hạn bảo hiểm được ghi trên Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm.

2.2 **Phí bảo hiểm:** được Bên Mua Bảo Hiểm thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

2.3 **Kê khai thông tin khi yêu cầu bảo hiểm**

Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm chuyển quyền sở hữu xe hợp lệ theo quy định của pháp luật, mọi quyền lợi bảo hiểm liên quan đến Xe Được Bảo Hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với Người Được Bảo Hiểm được chuyển quyền. Trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm không chuyển quyền lợi bảo hiểm cho Chủ Xe được chuyển quyền và có yêu cầu hoàn Phí Bảo Hiểm tương ứng với thời gian còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm sẽ hoàn lại Phí Bảo Hiểm cho Bên Mua Bảo Hiểm theo quy định tại Điều 3 dưới đây và hiệu lực bảo hiểm chấm dứt kể từ ngày Công Ty Bảo Hiểm nhận được yêu cầu hoàn Phí Bảo Hiểm của Bên Mua Bảo Hiểm.

Điều 3: Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm

3.1 **Chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm do vi phạm thời hạn thanh toán:**

3.1.1 Trường hợp Phí Bảo Hiểm không được thanh toán đầy đủ theo thời hạn thanh toán đã thỏa thuận tại Hợp Đồng Bảo Hiểm/Chứng Nhận Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm không có thỏa thuận cho Bên Mua Bảo Hiểm nợ phí theo quy định pháp luật, Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực ngay khi kết thúc thời hạn thanh toán Phí Bảo Hiểm.

3.1.2 Bên Mua Bảo Hiểm có trách nhiệm đóng đủ Phí Bảo Hiểm được tính từ ngày bắt đầu được bảo hiểm đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm theo quy định của Khoản 3.1.1 của Quy tắc điều khoản này.

3.1.3 Trong thời hạn (05) ngày làm việc kể từ ngày Hợp Đồng Bảo Hiểm chấm dứt hiệu lực trong trường hợp quy định tại Khoản 3.1.1 của Quy tắc điều khoản này, Công Ty Bảo Hiểm sẽ hoàn lại cho Bên Mua Bảo Hiểm 70% phần Phí Bảo Hiểm mà Bên Mua Bảo Hiểm đã đóng thừa (nếu có) sau khi thời hạn thanh toán đã kết thúc, và sau khi trừ đi khoản Phí Bảo Hiểm mà Bên Mua Bảo Hiểm phải đóng theo quy định tại Khoản 3.1.2 của Quy tắc điều khoản này. Công Ty Bảo Hiểm không phải hoàn Phí Bảo Hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.

3.2 **Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm trước thời hạn:**

3.2.1 Trong thời hạn bảo hiểm, trừ trường hợp Hợp Đồng Bảo Hiểm tự động chấm dứt do Bên Mua Bảo Hiểm vi phạm thời hạn thanh toán Phí Bảo Hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo cho bên kia trước thời điểm dự kiến chấm dứt tối thiểu năm (05) ngày làm việc.

3.2.2 Trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm trước hạn, phải thông báo cho Công Ty Bảo Hiểm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Mua Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm sẽ hoàn lại cho Bên Mua Bảo Hiểm 70% Phí Bảo Hiểm tương ứng với thời hạn bảo hiểm còn lại. Công Ty Bảo Hiểm không phải hoàn Phí Bảo Hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm trước thời điểm chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm hoặc đã phát sinh trách nhiệm bồi thường bảo hiểm. Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm Công Ty Bảo Hiểm nhận được thông báo đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm.

3.2.3 Trường hợp Công Ty Bảo Hiểm đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm phải gửi thông báo cho Bên Mua Bảo Hiểm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Công Ty Bảo Hiểm thông báo cho Bên Mua Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm sẽ hoàn lại cho Bên Mua Bảo Hiểm 100% Phí Bảo Hiểm tương ứng với thời hạn bảo hiểm còn lại.

Mọi khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc hoàn trả khoản Phí Bảo Hiểm theo quy định tại các Khoản 3.1.3 và 3.2.2 của Quy tắc điều khoản này sẽ do Bên Mua Bảo Hiểm chịu và sẽ được Công Ty Bảo Hiểm khấu trừ trực tiếp vào khoản Phí Bảo Hiểm hoàn trả cho Bên Mua Bảo Hiểm.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Bảo Hiểm

4.1 **Công Ty Bảo Hiểm có quyền**

- Thu Phí Bảo Hiểm đầy đủ ngay khi cấp Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm hoặc theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm;
- Yêu cầu Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- Từ chối bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm và Quy tắc điều khoản này;
- Yêu cầu Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Lái Xe áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Quy tắc điều khoản này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm khi Bên Mua Bảo Hiểm vi phạm thời hạn thanh toán Phí Bảo Hiểm;
- Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn Số Tiền Bảo Hiểm mà Công Ty Bảo Hiểm đã bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm do lỗi của người thứ ba gây ra đối với chiếc Xe Được Bảo Hiểm;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2 **Công Ty Bảo Hiểm có nghĩa vụ**

- Giải thích cho Bên Mua Bảo Hiểm về các điều kiện, Quy tắc điều khoản, quyền, nghĩa vụ của Bên Mua Bảo Hiểm khi tham gia bảo hiểm;
- Cấp cho Bên Mua Bảo Hiểm Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm, Quy tắc điều khoản, các Điều khoản bổ sung (nếu có) hoặc Hợp Đồng Bảo Hiểm sau khi giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; và không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp Công Ty Bảo Hiểm phải tiến hành xác minh hồ sơ sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường. Hình thức thanh toán tiền bồi thường được thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- Trong trường hợp Công Ty Bảo Hiểm không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền; Trường hợp từ chối bồi thường, Công Ty Bảo Hiểm phải giải thích lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Công Ty Bảo Hiểm nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ. Sau 90 ngày kể từ ngày Công Ty Bảo Hiểm có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì Công Ty Bảo Hiểm chủ động tiến hành xác minh, có thể xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.
- Phối hợp chặt chẽ với Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm và cơ quan chức năng để giải quyết yêu cầu bồi thường đối với những thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm;

- Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Bảo Hiểm, khi có yêu cầu Người Được Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm, Công Ty Bảo Hiểm có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất;
- Công Ty Bảo Hiểm có trách nhiệm hướng dẫn Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 8 Quy tắc điều khoản này;
- Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm về sự thay đổi các yếu tố làm cơ sở để tính Phí Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm sẽ đánh giá lại rủi ro, xác định lại Phí Bảo Hiểm và hoàn hoặc thu thêm Phí Bảo Hiểm theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn bảo hiểm còn lại hoặc từ chối nhận bảo hiểm đối với rủi ro tăng thêm;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm

5.1 **Bên Mua Bảo hiểm, Người Được Bảo Hiểm có quyền**

- Yêu cầu Công Ty Bảo Hiểm giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm hoặc Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- Yêu cầu Công Ty Bảo Hiểm trả tiền bồi thường cho Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm theo thoả thuận trong Hợp Đồng Bảo Hiểm hoặc theo văn bản chuyển quyền thụ hưởng liên quan (nếu có) khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
- Chuyển nhượng quyền sở hữu xe kèm theo quyền lợi bảo hiểm còn hiệu lực cho Người Được Bảo Hiểm được chuyển quyền hoặc yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm theo quy định tại Quy tắc điều khoản này và quy định của pháp luật;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2 **Bên Mua Bảo hiểm, Người Được Bảo Hiểm có nghĩa vụ**

- Kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung khi yêu cầu bảo hiểm và/hoặc cung cấp đầy đủ thông tin về Xe Ô Tô được bảo hiểm nêu trong Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm;
- Đóng Phí Bảo Hiểm đầy đủ ngay khi nhận được Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm hoặc theo đúng thời hạn thanh toán quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm;
- Tạo điều kiện thuận lợi để Công Ty Bảo Hiểm xem xét tình trạng xe trước khi cấp Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm;
- Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông, Luật giao thông đường bộ; Chăm sóc bảo quản xe trong suốt quá trình sử dụng;
- Khi xảy ra tổn thất, Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/ Chủ Xe và Lái Xe phải có trách nhiệm:

+) Thông báo ngay cho Công Ty Bảo Hiểm theo số điện thoại ghi trên Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường vụ tai nạn; đồng thời thông báo cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất);
+) Không được di chuyển xe làm mất hiện trường vụ tai nạn, tháo gỡ hoặc sửa chữa khi chưa có ý kiến chấp thuận của Công Ty Bảo Hiểm trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. "Trong trường hợp năm (5) ngày làm việc kể từ ngày Bên Mua Bảo Hiểm thông báo cho Công Ty Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm không có ý kiến, Bên Mua Bảo Hiểm được tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản."
+) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm phải thông báo tổn thất cho Công Ty Bảo Hiểm;

- Cung cấp các tài liệu trong hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 8 của Quy tắc điều khoản này;
- Phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ yêu cầu bồi thường và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Công Ty Bảo Hiểm trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó;
- Trường hợp xảy ra tổn thất có liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba, Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Chủ Xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của Công Ty Bảo Hiểm để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho Công Ty Bảo Hiểm kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với Công Ty Bảo Hiểm để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được Công Ty Bảo Hiểm bồi thường. Trong mọi trường hợp, Người Được Bảo Hiểm không được tự ý thỏa thuận bồi thường với bên thứ ba khi chưa có ý kiến của Công Ty Bảo Hiểm;
- Đối với các bộ phận của xe bị thiệt hại phải thay thế và được Công Ty Bảo Hiểm chấp thuận bồi thường, sau khi thực hiện xong công việc thay thế Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm phải có trách nhiệm bàn giao bộ phận bị thiệt hại đã được thay thế cho Công Ty Bảo Hiểm;
- Trường hợp Xe Được Bảo Hiểm bị mất trộm toàn bộ xe, bị cướp toàn bộ xe hoặc bị mất do thiên tai, Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm phải thông báo ngay cho cơ quan công an và/hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra sự việc và trong vòng 24 giờ phải thông báo cho Công Ty Bảo Hiểm, đồng thời thực hiện các công việc theo hướng của cơ quan công an và Công Ty Bảo Hiểm để giải quyết;
- Thực hiện các các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Thay đổi yếu tố làm cơ sở tính phí bảo hiểm

- Trong thời hạn bảo hiểm, nếu có sự thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm và những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính Phí Bảo Hiểm, Bên Mua Bảo Hiểm phải thông báo cho Công Ty Bảo Hiểm trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ khi có sự thay đổi những yếu tố đó (ví dụ thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động...):
  +) Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính Phí Bảo Hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Bên Mua Bảo Hiểm có quyền yêu cầu Công Ty Bảo Hiểm giảm Phí Bảo Hiểm tương ứng với thời hạn bảo hiểm còn lại. Trong vòng năm (5) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giảm Phí Bảo Hiểm của Bên Mua Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm phải trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm Phí Bảo Hiểm.
  Trong trường hợp Công Ty Bảo Hiểm không chấp nhận giảm Phí Bảo Hiểm thì Bên Mua Bảo Hiểm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm theo quy định tại Khoản 3.2.2 Điều 3 của Quy tắc điều khoản này.
  +) Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính Phí Bảo Hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì Công Ty Bảo Hiểm có quyền tính lại Phí Bảo Hiểm cho thời gian tương ứng còn lại của Hợp Đồng Bảo Hiểm kể từ thời điểm có sự thay đổi.
- Trong trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm không chấp nhận tăng Phí Bảo Hiểm thì Công Ty Bảo Hiểm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm theo quy định tại Khoản 3.2.3 Điều 3 Quy tắc điều khoản này.

Điều 7: Giám định tổn thất

Khi xảy ra tổn thất, tai nạn, mọi thiệt hại đối với Xe Được Bảo Hiểm sẽ được Công Ty Bảo Hiểm hoặc người được Công Ty Bảo Hiểm ủy quyền giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do tai nạn gây ra. Kết quả giám định phải được lập thành văn bản có chữ ký của các bên tham gia giám định. Công Ty Bảo Hiểm sẽ chịu trách nhiệm về chi phí giám định tổn thất.
Trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm/ đại diện hợp pháp của Người Được Bảo Hiểm không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do Công Ty Bảo Hiểm xác định, hai bên sẽ chọn một đơn vị giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trường hợp Công Ty Bảo Hiểm và Người Được Bảo Hiểm/ đại diện hợp pháp của Người Được Bảo Hiểm không thỏa thuận được việc chọn đơn vị giám định độc lập thì một trong hai bên được quyền yêu cầu Toà án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm chỉ định đơn vị giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của đơn vị giám định do Tòa án chỉ định có giá trị bắt buộc đối với các bên. Nếu kết luận của đơn vị giám định độc lập khác với kết luận giám định của Công Ty Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm phải trả chi phí giám định và án phí. Nếu kết luận của

đơn vị giám định độc lập trùng với kết luận giám định của Công Ty Bảo Hiểm, Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo HIểm phải trả chi phí giám định và án phí.

Điều 8: Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

8.1 **Tài liệu do Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm cung cấp:**

- Thông báo tai nạn và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của Công Ty Bảo Hiểm cung cấp);
- Tài liệu liên quan đến xe, Lái Xe (bản sao có xác nhận của cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bản sao có xác nhận của nhân viên Công Ty Bảo Hiểm sau khi đã đối chiếu với bản gốc hoặc bản gốc để nhân viên Công Ty Bảo Hiểm kiểm tra và sao chụp trực tiếp) như sau:
    - Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm và/hoặc Hợp Đồng Bảo Hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
    - Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe phù hợp và còn hiệu lực của Lái Xe tại thời điểm Xe Được Bảo Hiểm bị tổn thất;
    - Các giấy tờ liên quan đến mua, bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe (nếu có);
    - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ và còn hiệu lực hoặc giấy tờ tương đương theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam, ví dụ xe lưu hành tạm thời có Giấy đăng ký lưu hành tạm thời của cơ quan chức năng có thẩm quyền, ...).
- Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản bao gồm:
    - Các hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc thuê cẩu kéo (nếu có), sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại (nếu sửa chữa tại các cơ sở sửa chữa xe không thuộc hệ thống bảo lãnh của Công Ty Bảo Hiểm), chứng từ xác định giá trị tài sản (nếu cần). Biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc mất trộm, mất cắp hoặc mất tích xe;
    - Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Bên Mua Bảo Hiểm/ Chủ Xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của Công Ty Bảo Hiểm.
- Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);
- Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);

- Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho Công Ty Bảo Hiểm đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho Xe Được Bảo Hiểm mà Bên Mua Bảo Hiểm/ Chủ Xe đã được Công Ty Bảo Hiểm giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

8.2 **Tài liệu do Công Ty Bảo Hiểm phối hợp và/hoặc hướng dẫn Bên Mua Bảo Hiểm / Chủ Xe/đại diện hợp pháp của Chủ Xe thu thập:**

- Bản sao hợp lệ bộ hồ sơ có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
    - Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
    - Sơ đồ hiện trường tai nạn (nếu có);
    - Bản ảnh hiện trường tai nạn và các tài sản liên quan (nếu có);
    - Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);
    - Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
    - Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có);
    - Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
- Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có);
- Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.
- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

8.3 **Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/đại diện hợp pháp của Người Được Bảo Hiểm có trách nhiệm cung cấp, bao gồm:**

- Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;
- Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp Xe Được Bảo Hiểm;
- Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp Xe Được Bảo Hiểm;
- Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

Điều 9: Bảo hiểm trùng

Hợp Đồng Bảo Hiểm trùng là trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm giao kết Hợp Đồng Bảo Hiểm với hai Công Ty Bảo Hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Việc giải quyết bồi thường đối với trường hợp bảo hiểm trùng sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với những phạm vi bảo hiểm được cấp trùng của các Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm, Công Ty Bảo Hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa Số Tiền Bảo Hiểm của Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm được cấp bởi Công Ty Bảo Hiểm trên tổng Số Tiền Bảo Hiểm của tất cả các Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm mà Bên Mua Bảo Hiểm/ Chủ Xe đã tham gia bảo hiểm mà đang còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra tổn thất.
- Đối với những phạm vi bảo hiểm không trùng nhau của các Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm (nếu có), Công Ty Bảo Hiểm sẽ giải quyết bồi thường độc lập theo Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm đã cấp.

Điều 10: Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

Thời hạn yêu cầu bồi thường theo Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm trừ trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan hoặc bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của Công Ty Bảo Hiểm là 90 ngày kể từ ngày Chủ Xe nhận được thông báo bồi thường của Công Ty Bảo Hiểm. Quá thời hạn này, Công Ty Bảo Hiểm sẽ không giải quyết khiếu nại. Trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.
Thời hiệu khởi kiện về việc giải quyết khiếu nại bảo hiểm của Công Ty Bảo Hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp của Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm.
Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp Đồng Bảo Hiểm nếu Công Ty Bảo Hiểm và Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

Điều 11: Phạm vi bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm

11.1 Trừ những trường hợp thuộc những điểm loại trừ quy định tại Điều 12 Quy tắc điều khoản này, Công Ty Bảo Hiểm chịu trách nhiệm bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm những thiệt hại vật chất đối với Xe Được Bảo Hiểm bị tổn thất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:

- Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
- Hỏa hoạn, cháy, nổ;
- Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên (bao gồm nhưng không giới hạn bởi bão, lũ, lụt, sét đánh, giông tố, động đất, sụt lở, sóng thần, ...);
- Mất toàn bộ Xe Được Bảo Hiểm do trộm, cướp;
- Hành động ác ý, cố tình phá hoại nhưng không phải của Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Chủ Xe/Lái Xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe.

11.2 Ngoài ra, Công Ty Bảo Hiểm còn thanh toán cho Người Được Bảo Hiểm những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Công Ty Bảo Hiểm khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), bao gồm:

- Chi phí bảo vệ hiện trường, ngăn ngừa hạn chế tổn thất, thiệt hại phát sinh thêm;
- Chi phí cứu hộ và vận chuyển Xe Được Bảo Hiểm bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất.
- Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường và các chi phí tại Khoản 11.1 và Khoản 11.2 không vượt quá Số Tiền Bảo Hiểm.

Điều 12: Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Trừ trường hợp Công Ty Bảo Hiểm mở rộng phạm vi bảo hiểm theo Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung, đồng thời Bên Mua Bảo Hiểm có nhu cầu tham gia và đã đóng Phí Bảo Hiểm đầy đủ, đúng hạn, Công Ty Bảo Hiểm không bồi thường cho các tổn thất, thiệt hại xảy ra có nguyên nhân hay xảy ra bởi hoặc bắt nguồn từ hay có liên quan tới:

12.1 Hành động cố ý gây thiệt hại của Bên Mua Bảo Hiểm/Chủ Xe/Lái Xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng Xe Được Bảo Hiểm.

12.2 Tại thời điểm xảy ra tổn thất, thiệt hại xe đang tham gia giao thông không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đăng kiểm) hợp lệ hoặc không còn hiệu lực, không phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành (không áp dụng đối với các trường hợp mất hiệu lực đăng kiểm do (i) thay đổi thông số lốp và/hoặc đường kính la-răng của xe với điều kiện các thông số này phù hợp với thông số kỹ thuật theo khuyến cáo của nhà sản xuất; (ii) lắp thêm các thiết bị như bảo vệ cản trước/cản sau, giá chở hàng trên nóc xe, tời, móc kéo xe; (iii) thay đổi số lượng ghế lắp thêm trên xe với điều kiện khi xảy ra tổn thất xe không chở quá số người quy định).

12.3 Tại thời điểm xe tham gia giao thông bị tổn thất, thiệt hại, Lái Xe không có giấy phép lái xe hoặc giấy phép lái xe không hợp lệ, không phù hợp đối với loại xe bắt buộc phải có giấy phép lái xe. Trường hợp Lái Xe bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn, bị mất giấy phép lái xe, bị tạm giữ giấy phép lái xe mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng Lái Xe chưa đến để giải quyết được thì được coi là không có giấy phép lái xe.

12.4 Xe Được Bảo Hiểm bị tổn thất khi Lái Xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở vượt mức cho phép theo quy định của pháp luật hoặc sử dụng ma túy và/hoặc các chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

12.5 Xe Được Bảo Hiểm bị tổn thất khi đi vào đường cấm, khu vực cấm, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "cấm đi ngược chiều", rẽ hoặc quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.

12.6 Xe Được Bảo Hiểm dừng, đỗ tại khu vực cấm dừng, cấm đỗ theo quy định của pháp luật dẫn đến thiệt hại.

12.7 Xe Được Bảo Hiểm sử dụng để tập lái (trừ khi có thỏa thuận khác), đua xe (hợp pháp hoặc trái phép), xe dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

12.8 Xe Được Bảo Hiểm chở hàng trái phép theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa (bao gồm các trường hợp xe bị tổn thất do chính hàng hóa chở trên xe bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển gây ra mà không phải do xe bị đâm, va, lật, đổ do tai nạn).

12.9 Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam.

12.10 Tổn thất xảy ra trong những trường hợp: Chiến tranh, khủng bố, nội chiến, đình công, bạo động.

12.11 Tổn thất do hao mòn tự nhiên phát sinh trong quá trình hoạt động của Xe Được Bảo Hiểm, hoặc do bản chất vốn có của xe, hỏng hóc do lỗi kỹ thuật, khuyết tật, ẩn tỳ của xe hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, thiệt hại trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử). Các thiệt hại gián tiếp như giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác xe.

12.12 Hư hỏng động cơ do Xe Được Bảo Hiểm hoạt động trong vùng/đường đang bị ngập nước hoặc do nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích (loại trừ trường hợp xe bị tai nạn bất ngờ đâm xuống ao, hồ, sông, suối...dẫn đến nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích).

12.13 Hư hỏng về điện hoặc bộ phận máy móc, thiết bị (kể cả hệ thống âm thanh, điều hòa) không phải do các nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm gây ra. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, thiết bị điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào.

12.14 Tổn thất đối với săm lốp, bạt thùng Xe Được Bảo Hiểm, biểu tượng của nhà sản xuất, tem chữ, nhãn mác, ốp chụp la-zăng, chìa khóa cơ/chìa khóa điện/điều khiển điện của xe, tấm lót gầm trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn.

12.15 Mất các bộ phận của Xe Được Bảo Hiểm trong mọi trường hợp (trừ trường hợp xác định được bộ phận bị mất đã bị tổn thất do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn).

12.16 Mất toàn bộ Xe Được Bảo Hiểm trong trường hợp bị lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp).

12.17 Tổn thất về Xe Được Bảo Hiểm và/hoặc các thiết bị chuyên dùng trên xe do hoạt động của các thiết bị chuyên dùng trên chính xe đó gây ra (bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp hoạt động của: thiết bị bơm bê tông khi dừng để bơm, hệ thống cẩu trên xe cẩu khi xe dừng, đỗ để cẩu; ụ ben/ti ben của các xe tải ben khi xe thực hiện nâng hạ ben,...).

12.18 Xe Được Bảo Hiểm chở quá tải trọng hoặc quá số lượng người (không bao gồm trẻ em dưới 7 tuổi) từ 50% trở lên theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (đối với xe chở hàng căn cứ vào tải trọng, xe chở người căn cứ vào số người chở trên xe, đối xe vừa chở người vừa chở hàng căn cứ vào tải trọng hoặc số người chở trên xe);

12.19 Tổn thất các thiết bị/phụ kiện lắp thêm trên Xe Được Bảo Hiểm ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe: hệ thống báo động, bảo vệ cản trước, bảo vệ cản sau) và/hoặc xe bị tổn thất do độ/chế các thiết bị/phụ kiện lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra hoặc không tuân thủ quy định của pháp luật.

12.20 Những vụ tổn thất có số tiền thuộc trách nhiệm bảo hiểm bằng hoặc nhỏ hơn Mức Khấu Trừ (mức miễn thường có khấu trừ).

12.21 Xe Được Bảo Hiểm chạy vượt quá 50% tốc độ cho phép theo quy định của pháp luật (có kết luận của cơ quan chức năng có thẩm quyền).

12.22 Các thông tin cung cấp trong giấy yêu cầu bồi thường hoặc các tài liệu trong hồ sơ bồi thường do Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Lái Xe cung cấp được Công Ty Bảo Hiểm chứng minh là không trung thực hoặc giả mạo hoặc những thông tin quan trọng bị bỏ sót, trừ khi việc bỏ sót là do vô ý.

12.23 Các hậu quả gây ra bởi việc xe mất khả năng sử dụng hay bất cứ tổn thất mang tính hậu quả nào khác. Vì mục đích của điều khoản này, "tổn thất mang tính hậu quả" có nghĩa là tổn thất hoặc những tổn thất không có cùng nguyên nhân trực tiếp từ sự cố và/hoặc tai nạn dẫn đến tổn thất hoặc những tổn thất trước đó thuộc phạm vi bảo hiểm và vì Bên Mua Bảo Hiểm/Lái Xe không thông báo ngay cho Công Ty Bảo Hiểm theo đường dây nóng để phối hợp giải quyết, cứu chữa, hạn chế thiệt hại, bảo vệ hiện trường tổn thất và không thông báo cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).

12.24 Xe Được Bảo Hiểm trung đại tu, cải tạo, hoán cải theo quy định phải đi đăng kiểm mà chưa đi đăng kiểm lại.

Điều 13: Nguyên tắc xác định số tiền bảo hiểm

13.1 Bên Mua Bảo Hiểm có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn Giá Trị Thị Trường của Xe Được Bảo Hiểm.
Công Ty Bảo Hiểm xác định Giá Thị Trường của xe tham gia bảo hiểm cụ thể như sau:

- Đối với Xe Ô Tô mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước.
- Đối với Xe Ô Tô đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá mua bán trung bình trên thị trường của xe tương tự cùng chủng loại tại thời điểm tham gia bảo hiểm (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, dung tích xi lanh, năm sản xuất).

13.2 Trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm không xác định được Giá Thị Trường của Xe Ô Tô tại thời điểm tham gia bảo hiểm, khi đó giá trị của xe sẽ được xác định như sau:

(i) Đối với Xe Ô Tô sản xuất trong nước đã qua sử dụng: giá trị của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm là giá xe mới (100%) nhân (x) với tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe;

(ii) Đối với Xe Ô Tô nhập khẩu đã qua sử dụng: giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) với tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại được xác định trong tờ khai hải quan nhập khẩu;

Tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe tham gia bảo hiểm được xác định như sau:

- Thời gian đã sử dụng đến 01 năm: 100%
- Thời gian đã sử dụng từ trên 01 năm đến hết 03 năm: 85%
- Thời gian đã sử dụng từ trên 03 năm đến hết 06 năm: 70%
- Thời gian đã sử dụng từ trên 06 năm đến hết 10 năm: 55%
- Thời gian đã sử dụng trên 10 năm: 40%

- Giá trị khai báo là giá trị Xe Ô Tô mà Bên Mua Bảo Hiểm kê khai khi yêu cầu bảo hiểm và được ghi trên Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm. Trường hợp giá trị khai báo thấp hơn (bảo hiểm dưới giá trị) hoặc cao hơn Giá Thị Trường (bảo hiểm trên giá trị) thì Giá Thị Trường sẽ là cơ sở để Công Ty Bảo Hiểm giải quyết bồi thường.

Điều 14: Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

14.1 **Đối với tổn thất bộ phận, Công Ty Bảo Hiểm giải quyết bồi thường như sau:**

14.1.1 Công Ty Bảo Hiểm chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để:

a. sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận bị tổn thất, thiệt hại hoặc trả bằng tiền cho Người Được Bảo Hiểm để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, thay thế, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có). Công Ty Bảo Hiểm sẽ quyết định hình thức bồi thường trong từng trường hợp cụ thể.

b. Thực hiện giám định tổn thất và/hoặc thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của Công Ty Bảo Hiểm khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm) trong trường hợp Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm đã chi ra để thực hiện các công việc nói trên (các chi phí thuộc phạm vi bảo hiểm tại Khoản 11.2, Điều 11 Quy tắc điều khoản này).

14.1.2 Cách xác định số tiền bồi thường:

Trừ trường hợp có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật, số tiền bồi thường sẽ được xác định như sau:

a. Trường hợp Xe Được Bảo Hiểm tham gia bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa Số Tiền Bảo Hiểm và Giá Thị Trường của xe tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

b. Trường hợp Xe Được Bảo Hiểm tham gia bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất, thiệt hại.

Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp có thỏa thuận bảo hiểm bổ sung bồi thường không áp dụng khấu hao thay mới), cụ thể như sau:

- Xe sử dụng đến 03 năm: khấu hao 0%
- Xe sử dụng từ trên 03 năm đến 06 năm: khấu hao 15% giá trị bộ phận thay mới.
- Xe sử dụng từ trên 06 năm đến 10 năm: khấu hao 25% giá trị bộ phận thay mới.
- Xe sử dụng từ trên 10 năm đến 15 năm: khấu hao 35% giá trị bộ phận thay mới.
- Xe sử dụng từ trên 15 năm: khấu hao 50% giá trị bộ phận thay mới.
- Đối với các loại xe buýt/ xe kinh doanh vận tải hành khách chạy tuyến cố định/ nội tỉnh/ liên tỉnh, xe cho thuê tự lái, xe taxi, tỷ lệ khấu hao sẽ được tính như sau:
- Xe sử dụng đến 3 năm: 15%

- Xe sử dụng từ trên 3 năm: tính bằng 150% tỷ lệ khấu hao tương ứng với số năm sử dụng nêu trên.

Trong trường hợp cơ sở sửa chữa, Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm cùng nhau thống nhất và xác định được các hạng mục thay thế không sử dụng phụ tùng mới mà là phụ tùng cũ tương đương với phụ tùng bị hư hỏng thì không tính khấu hao bộ phận.

c. Đối với trường hợp Xe Được Bảo Hiểm có tham gia Điều khoản bảo hiểm bổ sung "không tính khấu hao phụ tùng, vật tư thay mới", Công Ty Bảo Hiểm sẽ không tính khấu hao các vật tư/ phụ tùng bị tổn thất khi phải thay mới (không bao gồm săm, lốp, gas của hệ thống điều hòa nhiệt độ, nước mát, dầu bôi trơn, bạt thùng xe, tem nhãn mác).

d. Trong mọi trường hợp Công Ty Bảo Hiểm tính khấu hao các vật tư/phụ tùng dưới đây bị tổn thất khi phải thay mới:

- Tổn thất đối với gas của hệ thống điều hòa nhiệt độ, nước mát, dầu bôi trơn, ắc quy, bạt thùng xe trong mọi trường hợp sẽ áp dụng tỷ lệ khấu hao 30% đối với năm sử dụng đầu tiên (từ năm đăng ký lần đầu) và 50% đối với tất cả các năm tiếp theo.
- Tổn thất đối với săm, lốp, tem nhãn mác sẽ được xác định tỷ lệ khấu hao tại thời điểm giám định với sự thống nhất của Công Ty Bảo Hiểm với Bên Mua Bảo Hiểm/ Người Được Bảo Hiểm/ Chủ Xe nhưng tỷ lệ khấu hao tối thiểu là 30%.

Lưu ý: trong mọi trường hợp, Công Ty Bảo Hiểm không tính khấu hao đối với các phụ tùng hư hỏng là kính, mặt gương.

e. Trường hợp khác thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm phù hợp với quy định pháp luật.

14.1.3 Công Ty Bảo Hiểm chỉ chấp nhận thay thế mới đối với những hạng mục bị tổn thất, thiệt hại không thể khắc phục được hoặc chi phí khắc phục vượt quá 50% giá trị thay mới của hạng mục đó.

14.1.4 Công Ty Bảo Hiểm bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị tổn thất, thiệt hại và theo nguyên tắc tính bồi thường quy định tại Khoản 14.1.2, Điều 14 Quy tắc điều khoản này.

14.2 **Đối với tổn thất toàn bộ:**

14.2.1 Công Ty Bảo Hiểm có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp Xe Được Bảo Hiểm bị thiệt hại trên 75% Giá Thị Trường hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% Giá Thị Trường của xe tại thời điểm ngay trước khi xảy ra tổn thất.

14.2.2 Công Ty Bảo Hiểm có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ Xe Được Bảo Hiểm bị mất trộm, mất cướp khi có bản án của tòa án có thẩm quyền, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ điều tra hoặc không khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.

14.2.3 Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, Công Ty Bảo Hiểm thực hiện bồi thường tổn thất toàn bộ dưới hình thức trả tiền bồi thường. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng Giá Thị Trường của xe tương đương ngay trước khi xảy ra tổn thất và không vượt quá Số Tiền Bảo Hiểm ghi trên Hợp Đồng Bảo Hiểm/ Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm, trừ trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

14.3 **Thu hồi tài sản sau bồi thường:**

Khi Công Ty Bảo Hiểm đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ Xe Được Bảo Hiểm theo hình thức thay thế tài sản bị thiệt hại bằng tài sản khác hoặc trả tiền bồi thường thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, cụ thể:

14.3.1 Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, Công Ty Bảo Hiểm sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).

14.3.2 Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, Công Ty Bảo Hiểm có quyền thu hồi Xe Được Bảo Hiểm bị thiệt hại sau khi đã thay thế hoặc trả tiền bồi thường. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì Công Ty Bảo Hiểm thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Chủ Xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, Công Ty Bảo Hiểm sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của cơ quan chức năng do Công Ty Bảo Hiểm chỉ định hoặc theo thỏa thuận giữa Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm và Công Ty Bảo Hiểm.

14.3.3 Đối với trường hợp bồi thường Xe Được Bảo Hiểm bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì Công Ty Bảo Hiểm được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

Điều 15: Mức khấu trừ

15.1 Mức Khấu Trừ là số tiền được ấn định trên Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm mà Bên Mua Bảo Hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm tại Công Ty Bảo Hiểm.

15.2 Mức Khấu Trừ tối thiểu và bắt buộc là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/mỗi và mọi vụ tổn thất trong thời hạn bảo hiểm. Trường hợp áp dụng mức khấu trừ cao hơn, Mức Khấu Trừ sẽ được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm.

Điều 16: Giảm trừ bồi thường

16.1 **Công Ty Bảo Hiểm có quyền thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây (trừ trường hợp Công Ty Bảo Hiểm quy định mức giảm trừ hơn trong Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm):**

16.1.1 Giảm từ 05% đến 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Chủ Xe/Lái Xe không gửi Thông báo tổn thất (bằng văn bản hoặc theo các hình thức khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Bảo Hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm) cho Công Ty Bảo Hiểm trong thời hạn năm (5) ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được Công Ty Bảo Hiểm giám định thiệt hại trong thời gian này hoặc đã thông báo cho Công Ty Bảo Hiểm theo số điện thoại đường dây nóng tại thời điểm xảy ra tai nạn);
- Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Chủ Xe/Lái Xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất, không thông báo ngay cho Công Ty Bảo Hiểm về tình hình tổn thất hoặc không thực hiện theo hướng dẫn của Công Ty Bảo Hiểm.
- Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Chủ Xe/Lái Xe đỗ xe trên địa hình dốc nhưng không sử dụng hệ thống phanh, chèn bánh (lốp) xe để xe trôi gây tổn thất, thiệt hại cho xe.

16.1.2 Giảm tối đa 25% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Chủ Xe/Lái Xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ 20% trở lên đến 50%.

16.1.3 Giảm tối đa 80% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Chủ Xe/Lái Xe tự ý tháo gỡ hoặc sửa xe khi chưa có ý kiến chấp thuận của Công Ty Bảo Hiểm (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền);

16.1.4 Giảm tối đa 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Không bảo vệ hiện trường, tự ý di chuyển xe khỏi hiện trường xảy ra tổn thất, thiệt hại (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng).
- Chủ Xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho Công TY Bảo Hiểm kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp bảo hiểm để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho doanh nghiệp bảo hiểm
- Chủ Xe cơ giới không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

16.1.5 Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải, số người (từ trên 20% đến dưới 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

16.1.6 Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

- Bên Mua Bảo Hiểm kê khai sai khi yêu cầu bảo hiểm (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu Phí Bảo Hiểm so với quy định;
- Bên Mua Bảo Hiểm/Người Được Bảo Hiểm/Chủ Xe không thông báo cho Công Ty Bảo Hiểm trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung Phí Bảo Hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).

16.2 **Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường:**

Khi Chủ Xe bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, Công Ty Bảo Hiểm sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

Điều 17: Điều khoản bảo hiểm bổ sung

Ngoài các quy định tại Quy tắc điều khoản này, Công Ty Bảo Hiểm sẽ chủ động xây dựng, ban hành điều khoản bảo hiểm bổ sung trên nguyên tắc đảm bảo mức khấu trừ tối thiểu theo quy định.

Các điều khoản bảo hiểm bổ sung chỉ có hiệu lực khi Bên Mua Bảo Hiểm đóng đầy đủ Phí Bảo Hiểm tương ứng với điều kiện và trách nhiệm bảo hiểm của điều khoản bảo hiểm bổ sung và được Công Ty Bảo Hiểm chấp nhận bảo hiểm.

Tổng giám đốc có trách nhiệm ban hành các điều khoản bảo hiểm bổ sung và Phí Bảo Hiểm tương ứng.

Điều khoản bảo hiểm bổ sung

Bên Mua Bảo Hiểm có quyền lựa chọn tham gia thêm một hoặc nhiều Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung này. Các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định tại Quy tắc Điều khoản Bảo hiểm Vật chất xe ô tô sẽ tiếp tục được áp dụng, trừ trường hợp Điều Khoản Bảo Hiểm bổ sung có quy định khác.
Ngoài các điều kiện riêng trong từng Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung, Bên Mua Bảo Hiểm khi tham gia Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Tham gia cùng bảo hiểm Vật chất xe ô tô của OPES;
- Thời hạn bảo hiểm của Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung được tính theo thời hạn của Quyền lợi bảo hiểm Vật chất xe ô tô.

Trên cơ sở Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu và đã đóng thêm phí bảo hiểm (nếu có) theo quy định, OPES chấp nhận bảo hiểm và ban hành sửa đổi/bổ sung Hợp Đồng Bảo Hiểm của một hay nhiều Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung sau đây:

BS01: Bảo hiểm không tính khấu hao phụ tùng, vật tư thay mới

Mở rộng phạm vi bảo hiểm: bồi thường chi phí thay thế mới theo chi phí thực tế và không áp dụng trừ khấu hao vật tư/phụ tùng bị tổn thất phải thay mới (không bao gồm săm, lốp, gas của hệ thống điều hòa nhiệt độ, nước mát, dầu bôi trơn, bạt thùng xe, tem nhãn mác và các loại vật tư/phụ tùng thay thế theo định kỳ thường xuyên như: gioăng, phớt, lọc gió, lọc dầu, lọc xăng, vòng bi...) được quy định theo Mục c, Điểm 14.1.2, Khoản 14.1, Điều 14 của Quy tắc Điều khoản Bảo hiểm Vật chất xe ô tô.

BS02: Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa

Khi Xe Được Bảo Hiểm bị tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, OPES đồng ý để Người Được Bảo Hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa, bao gồm cơ sở được ủy quyền của hãng đã sản xuất ra chiếc xe đó trên lãnh thổ Việt Nam.
Tuy nhiên, điều khoản này không đồng nghĩa với việc OPES chấp nhận bất kỳ mức giá nào do cơ sở sửa chữa đó đưa ra. Trừ khi các bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, trong mọi trường hợp, chi phí sửa chữa/thay thế chỉ được OPES chấp nhận khi và chỉ khi đó là mức giá hợp lý, phù hợp với tình trạng thực tế của xe tại thời điểm bị tai nạn và phù hợp với giá thị trường tại thời điểm sửa chữa. Chi phí sửa chữa/thay thế sẽ được OPES xem xét trên cơ sở chi phí sửa chữa/thay thế hợp lý của các cơ sở sửa chữa có quy mô tương tự trên cùng địa bàn.

BS03: Bảo hiểm xe bị ngập nước

- Hủy bỏ quy định loại trừ tại Khoản 12. 12, Điều 12 Quy tắc Điều khoản Bảo hiểm Vật chất xe ô tô;
- Mở rộng nhận bảo hiểm trong trường hợp Xe Được Bảo Hiểm bị thiệt hại động cơ hoặc hư hỏng về điện do Lái Xe điều khiển xe đi vào vùng ngập nước sẽ được OPES bồi thường;
- Mức khấu trừ (đã bao gồm VAT) áp dụng riêng cho Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung này là 10% số tiền bồi thường nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng trên một vụ tổn thất, hoặc theo thỏa thuận khác được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

BS04: Bảo hiểm bồi thường theo giới hạn trách nhiệm

Xe Được Bảo Hiểm theo Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung này được hiểu là xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm thấp hơn Giá Thị Trường, nhưng khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, Xe Được Bảo hiểm sẽ được bồi thường như sau:

- Đối với tổn thất bộ phận: (hủy bỏ quy định xác định số tiền bồi thường đối với tổn thất bộ phận tại Mục a, Điểm 14.1.2, Khoản 14.1, Điều 14 Quy tắc Điều khoản Bảo hiểm Vật chất ô tô); để bồi thường như trường hợp xe tham gia bằng Giá Thị Trường cho tới khi số tiền bồi thường trong thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm bằng mức giới hạn phụ.
- Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường không vượt quá Số tiền bảo hiểm được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- Mức giới hạn phụ đối với Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung này là tổng số tiền bồi thường tối đa trong thời hạn hiệu lực và được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

BS05: Bảo hiểm mất bộ phận

- Hủy bỏ quy định loại trừ mất các bộ phận xe tại Khoản 12. 15, Điều 12 Quy tắc Điều khoản Bảo hiểm Vật chất xe ô tô;
- OPES chịu trách nhiệm bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm những thiệt hại vật chất đối với Xe Được Bảo hiểm bị tổn thất những bộ phận gắn liền với xe theo thiết kế của nhà sản xuất (không bao gồm chìa khóa xe, remote điều khiển) do bị mất cắp, mất cướp.

- Giới hạn trách nhiệm: 02 lần cho Hợp Đồng Bảo Hiểm có thời hạn từ 12 tháng đến 18 tháng, 03 lần cho Hợp Đồng Bảo Hiểm có thời hạn trên 18 tháng, hoặc theo thỏa thuận khác được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.
  Mức khấu trừ (đã bao gồm VAT) áp dụng riêng cho Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung này là 20% số tiền bồi thường nhưng không thấp hơn 2.000.000 đồng trên một vụ tổn thất, hoặc theo thỏa thuận khác được quy định trong Hợp Đồng Bảo Hiểm.

BS06: Hành trình bình an

Trường hợp tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm được xác định bởi OPES hoặc người được OPES ủy quyền (giám định viên/đơn vị giám định độc lập/đơn vị cứu hộ) hoặc cơ quan công an có thẩm quyền; nếu Xe Được Bảo Hiểm không thể di chuyển hoặc vận hành an toàn, OPES sẽ chi trả chi phí nghỉ qua đêm và/hoặc vận chuyển đến điểm đến dự kiến cho lái xe và người ngồi trên Xe Được Bảo Hiểm tại thời điểm xảy ra tai nạn, hạn mức quyền lợi được quy định cụ thể trên Hợp Đồng Bảo Hiểm.
Người Được Bảo Hiểm sẽ phải cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ của dịch vụ nghỉ qua đêm hoặc thuê xe để yêu cầu bồi thường theo Điều Khoản Bảo Hiểm Bổ Sung này.

BS07: Bảo hiểm cho thiết bị được cải tạo, cơi nới, lắp thêm

OPES chịu trách nhiệm bồi thường cho Người Được Bảo Hiểm những thiệt hại vật chất thuộc phạm vi bảo hiểm đối với Xe Được Bảo hiểm bị tổn thất các thiết bị/bộ thiết bị, bạt phủ, các bộ phận khác được cơi nới/cải tạo/lắp thêm ngoài các thiết bị, bộ phận của Nhà sản xuất đã lắp ráp, OPES chỉ bồi thường với điều kiện:

(i) các thiết bị, bộ phận này đã được chấp thuận bởi Cơ quan Đăng kiểm và trong hiệu lực Đăng kiểm; và

(ii) Tai nạn, tổn thất không phải do nguyên nhân xuất phát từ việc cải tạo, cơi nới, lắp thêm gây ra.

Điều khoản bổ sung về thu thập và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES (là Bên kiểm soát dữ liệu/Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu) được trực tiếp hoặc thông qua các công ty đồng bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm thực hiện thu thập các dữ liệu cá nhân của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm/Người thụ hưởng (sau đây gọi là "Chủ thể dữ liệu") nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều khoản này để trực tiếp hoặc thông qua các bên thứ ba khác (Bên Xử lý dữ liệu cá nhân) thực hiện xử lý các dữ liệu đó cho các mục đích nêu tại khoản 3 phù hợp với các quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 của Điều khoản này và không phải thông báo lại cho Chủ thể dữ liệu.

1. Nội dung Dữ liệu cá nhân cơ bản được Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES thu thập bao gồm:
   a. Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);
   b. Ngày, tháng, năm sinh;
   c. Giới tính;
   d. Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ;
   e. Quốc tịch;
   f. Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế;
   g. Tình trạng hôn nhân;
   h. Các thông tin khác phù hợp với quy định của pháp luật
2. Nội dung Dữ liệu cá nhân nhạy cảm được Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES thu thập bao gồm:
   a. Tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, không bao gồm thông tin về nhóm máu;
   b. Thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác, gồm: thông tin định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;
   c. Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị;
   d. Các thông tin khác phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Mục đích xử lý dữ liệu:
   a. Nhằm thu xếp giao kết hợp đồng bảo hiểm, giải quyết quyền lợi bảo hiểm, xác minh và giám định tổn thất, cứu hộ...;
   b. Nhằm phục vụ các hoạt động tái bảo hiểm, phòng chống gian lận bảo hiểm, đề phòng và hạn chế tổn thất;
   c. Nhằm nghiên cứu hành vi khách hàng, nghiên cứu thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm bảo hiểm mới;
   d. Quảng cáo, tiếp thị, truyền thông, bao gồm nhưng không giới hạn: nhận các thông tin giới thiệu sản phẩm, khuyến mại từ Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng theo bất kỳ địa chỉ/phương thức liên lạc do khách hàng cung cấp;
   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức xử lý dữ liệu:
   a. Trực tiếp xử lý dữ liệu bằng các công cụ, hệ thống công nghệ và nguồn lực sẵn có của Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
   b. Thuê, sử dụng một bên thứ ba xử lý dữ liệu;

c. Các cách thức xử lý dữ liệu khác phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thông tin về các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tới mục đích xử lý dữ liệu nêu tại Khoản 3 Điều này:
   a. OPES và các công ty đồng bảo hiểm với Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
   b. các đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm của Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
   c. các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, dịch vụ tái bảo hiểm cho Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
   d. các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn y tế, khám chữa bệnh cho khách hàng, Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
   e. các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ quảng cáo, tiếp thị, truyền thông cho Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
   f. các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cứu hộ cho Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES;
   g. các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ khác có liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm của Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES.
6. Hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra:
   a. Hệ thống công nghệ, xử lý dữ liệu của Bên kiểm soát dữ liệu/Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu và/hoặc Bên xử lý dữ liệu bị truy cập trái phép hoặc gặp phải các rủi ro an ninh mạng hoặc các nguyên nhân khác dẫn đến việc dữ liệu bị rò rỉ;
   b. Dữ liệu cá nhân bị rò rỉ của Chủ thể dữ liệu có thể bị Bên thứ ba (không phải Bên kiểm soát dữ liệu và Bên xử lý dữ liệu) sử dụng trái phép cho các mục đích tiếp thị, quảng cáo, bán hàng hoặc các mục đích khác nhằm phục vụ cho lợi ích của Bên thứ ba này;
   c. Bên kiểm soát dữ liệu/Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu và/hoặc Bên xử lý dữ liệu bị mất uy tín, hình ảnh do không thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu;
   d. Bên kiểm soát dữ liệu/Bên Kiểm soát và xử lý dữ liệu và/hoặc Bên xử lý dữ liệu bị xử lý theo quy định pháp luật do vi phạm quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân của Chủ thể dữ liệu;
   e. Các hậu quả khác mà các bên chưa lường trước được.
7. Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc xử lý dữ liệu:
   a. Thời gian bắt đầu: Kể từ thời điểm Chủ thể dữ liệu chấp thuận cung cấp và đồng ý cho Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES xử lý dữ liệu cá nhân;
   b. Thời gian kết thúc: trong 72 giờ kể từ thời điểm Chủ thể dữ liệu yêu cầu Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES xóa dữ liệu cá nhân, trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác;
8. Chủ thể dữ liệu có các quyền đối với Dữ liệu cá nhân của mình theo quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với các quy định tại Điều 9 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/04/2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân (gọi tắt là NĐ13) và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị định này trong từng thời kỳ.
9. Trường hợp Chủ thể dữ liệu không đồng ý đối với toàn bộ nội dung của Điều khoản này khi yêu cầu bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES với Chủ thể dữ liệu sẽ không được xác lập hoặc sẽ bị hủy bỏ nếu Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm cho Chủ thể dữ liệu.
10. Trường hợp Chủ thể dữ liệu đã đồng ý đối với toàn bộ nội dung của Điều khoản này và hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết trên cơ sở sự đồng ý đó, nếu trong thời gian hợp đồng bảo hiểm đang có hiệu lực, Chủ thể dữ liệu thực hiện các quyền quy định tại khoản 4, 5, 6 và khoản 8 Điều 9 NĐ13, hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty/Công ty bảo hiểm/OPES và Chủ thể dữ liệu sẽ chấm dứt kể từ thời điểm Chủ thể dữ liệu yêu cầu thực hiện các quyền đó và hợp đồng bảo hiểm sẽ được xử lý như trường hợp bên mua bảo hiểm đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm quy định tại quy tắc điều khoản bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hoặc theo quy định của pháp luật.".

OPES
The Digital Insurer

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM OPES

Số 5 Điện Biên Phủ, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội
1800 55 88 55
dichvukhachhang@opes.com.vn
opes.com.vn